

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HC-PT

Ngày 11 - 3 - 2021

V/v: Khiếu kiện hủy quyết định hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 679/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2021/QĐPT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Trương Thị A, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Số 20/205 B, Phường C, Thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Thành phố D, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 Đường E, Phường F, thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố D:

1/ Ông Nguyễn Văn G - Phó Giám đốc ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố (vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị Trúc H - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố D (có mặt)

3/ Ông Lê Kim I - Giám đốc Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố D (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trương Văn J, sinh năm 1955. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông J là bà Trương Thị A, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 20/205 B, Phường C, Thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Trương Quế K, sinh năm 1986. (vắng mặt)

3/ Nguyễn Minh L, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20/205 B, Phường C, Thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trương Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện Trương Thị A trình bày:

Ngày 05/12/2017, bà có đơn khiếu nại yêu cầu:

- Ban quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố D trả bằng tiền mặt theo giá thỏa thuận, tương ứng giá đền bù diện tích còn thiếu của gia đình ($441,92m^2$). Hoặc đổi trả đất cho bà do các hộ Đỗ Vĩnh M ở hướng Tây, Lê Thanh N ở hướng Bắc và Trần Thị Kim O ở hướng Đông lấn chiếm đất công cộng của Nhà nước rồi lấy đất của bà làm công cộng khi giải tỏa quy hoạch chưa bồi thường đủ, bồi thường 85 triệu xi măng trên phần đất của bà bị đập bỏ chưa kịp di dời; Hoa màu là vườn dừa nước $800m^2$ chỉ mới bồi thường cho Ông J $30m^2$, 02 cây mận và saboche; Định giá bồi thường $186,4m^2$ theo hẻm 02m lại áp giá cho hẻm dưới 02m; Đất liền kề bị giải tỏa là đường 6,5m không đền bù đúng giá cho bà.

- Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07125 đã cấp cho Ông J, có con đường đi chung của gia đình để xác định cấp trả lại chung cho hộ gia đình. Hoàn trả lại cho gia đình bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05749 ngày 14/4/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07125 ngày 29/7/2009 cấp cho Ông J đại diện đứng tên.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố D tạm đình chỉ thi công phần đất chưa được giải quyết của bà khi vụ việc khiếu nại của bà chưa được giải quyết dứt điểm.

- Phải giải quyết khiếu nại theo đúng Luật khiếu nại cho cá nhân bà.

Ngày 21/3/2018 Ủy ban nhân dân thành phố D đã có văn bản số 1306/NC-

UBND về việc trả lời đơn của bà. Theo đó, nội dung là đơn khiếu nại của bà không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết, bà không có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với phần đất đó nên không thực hiện yêu cầu khiếu nại của bà.

Tuy nhiên, căn cứ vào nguồn gốc, bà cho rằng mảnh đất này thuộc quyền sở hữu của các đồng thừa kế, bà hoàn toàn có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với mảnh đất đó và có đủ tư cách để khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại và Luật đất đai.

Nay, bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D có ý kiến trình bày:

Phần đất bà Trương Thị A có đơn khiếu nại tọa lạc tại số 20/205 đường B, khu phố 3, Phường C, thành phố D, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc do bà Huỳnh Thị P đăng ký sử dụng từ năm 1955. Năm 1988, bà P tặng cho lại con là Ông Trương Văn J trọn phần đất trên có diện tích 3.650m², loại đất quả tạp, theo Tờ trình số 218/PNN-RĐ ngày 09/8/1988 của Phòng Nông nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân thành phố D phê duyệt số 1353/UB ngày 13/8/1988 cho Ông Trương Văn J sử dụng phần diện tích 3.650m² loại đất quả tạp.

Đến ngày 29/7/2009, Ông J xác định thổ cư diện tích 399,64m² trong tổng diện tích 3.650m² được Ủy ban nhân dân thành phố D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06573 ngày 29/7/2009, tờ bản đồ số 38, thửa đất số 177 do cá nhân Ông Trương Văn J đứng tên chủ sử dụng.

Phần diện tích còn lại thực tế của Ông Trương Văn J là 2.910,2m² được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố D tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 05109 ngày 12/11/2014, tờ bản đồ số 38, thửa đất số 287, loại đất trồng cây lâu năm.

Thời điểm bà Trương Thị A gửi đơn yêu cầu giải quyết khiếu nại. Phần đất do Ông Trương Văn J đứng tên chủ sử dụng đất đã được tách thửa cho bà Trương Thị Q (chị ruột Ông J), ông Trương Văn R (em ruột Ông J), bà Trương Thị A không đứng tên chủ sử dụng hay đồng sử dụng của bất kỳ thửa đất nào thuộc phần đất nêu trên.

Như vậy xét về mặt pháp lý, phần đất bà Trương Thị A có đơn khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại theo khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011. Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 để trả lời đơn cho bà Trương Thị A là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trương Văn J trình bày:

- Ông sử dụng theo giấy 3650m² thực tế đo đạc sau khi đền bù còn 3310m² ông đã được đền bù 185m², còn lại 154m² ông vẫn chưa được đền bù. Ông đang khiếu nại yêu cầu bồi thường phần còn thiếu chưa được nhà nước bồi thường.

- Phần đất tôi đang quản lý sử dụng bà A được chia nhưng bà A không nhận, đòi khi nào cha ruột là ông S (đã mất) chia thì mới chịu nhận. Tôi hoàn toàn sử dụng và quản lý phần đất bà A đang khiếu nại, khởi kiện. Đây là tài sản riêng của tôi, không liên quan gì đến bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trương Quế K, Nguyễn Minh L xin vắng mặt: Không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A yêu cầu hủy văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, bà Trương Thị A kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trương Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà, do bà có giấy ủy quyền ngày 05/10/2016 về việc Ông Trương Văn J ủy quyền cho bà thay mặt giải quyết các khiếu nại về việc thu hồi đất của Ông J nhưng Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D cho rằng bà A không có quyền nghĩa vụ liên quan đến phần đất của Ông J nên không giải quyết khiếu nại cho bà là vi phạm quy định của Luật khiếu nại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bà Trương Thị A xuất trình được giấy ủy quyền ngày 05/10/2016 về việc Ông J ủy quyền cho bà A đi giải quyết khiếu nại. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Bà Trương Thị A khởi kiện Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện quyết định hành chính trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 21/3/2018 Ủy ban nhân dân thành phố D tỉnh Tiền Giang ban hành Văn bản 1306 ngày 02/4/2018 bà A khởi kiện vụ án hành chính là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D:

Tại Công văn số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND nhân dân thành phố D về việc trả lời đơn của bà Trương Thị A có nội dung: *“Nhận thấy các yêu cầu, khiếu nại của bà A - người không có quyền và nghĩa vụ có liên quan do phần đất tiếp giáp với rạch T do Ông Trương Văn J là người đứng cá nhân được quyền sử dụng đất qua kiểm tra thực tế và các hồ sơ địa chính do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố D cung cấp thì phần đất của Ông J hiện tại được chuyển nhượng quyền sử dụng đất một phần sang cho bà Trương Thị Q và ông Trương Văn R (em ruột Ông J) và bà Q và Ông J tiếp tục phân nền bán cho nhiều chủ sử dụng khác, vì vậy Ủy ban không thể thực hiện theo yêu cầu của bà được”.*

Như vậy, ủy ban cho rằng là A không đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến phần đất của Ông J nên Chủ tịch UBND Thành phố D ban hành Công văn số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 trả lời đơn khiếu nại của bà không đủ điều kiện để thụ lý theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị A cung cấp giấy ủy quyền ngày 05/10/2016 tại Văn phòng Công chứng Cửu Long, tỉnh Tiền Giang nội dung: Bà Trương Thị A được thay mặt Ông J giải quyết khiếu nại việc thu hồi đất theo 02 quyết định 10301/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Cải tạo rạch T, phường 4, Phường C, thành phố D do UBND thành phố D phê duyệt ngày 19/12/2014 và Quyết định 7875/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Công trình Cải tạo, nâng cấp rạch T, phường 4, Phường C, thành phố D thuộc Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố D đối với hộ Ông Trương Văn J. Như vậy, bà A đã được Ông J ủy quyền thay mặt ông để đi giải quyết khiếu nại đối với việc thu hồi đất từ ngày 05/10/2016 trước khi Chủ tịch UBND thành phố D ban hành văn bản 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị A, hủy Quyết định 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D. Xét thấy, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trương Thị A không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Tiền Giang phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị A.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A:

Hủy văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Tiền Giang.

II. Về án phí hành chính:

1. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị A không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00518 ngày 19/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Chủ tịch UBND Thành phố D, tỉnh Tiền Giang phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị A không phải chịu án phí, hoàn lại cho bà A 300.000 đồng án phí theo biên lai thu số 0001467 ngày 09/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP. (15)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

